

Số: 298 /CV-CBTT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2020

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

1. Tên tổ chức (đầy đủ): **CÔNG TY CỔ PHẦN XE KHÁCH SÀI GÒN**
2. Mã chứng khoán: BSG
3. Địa chỉ trụ sở chính: 39 Hải Thượng Lãn Ông – Phường 10 – Quận 5 – TP.HCM.
4. Điện thoại: (08) 39.505.505
5. Người được ủy quyền công bố thông tin: Phạm Thị Lệ Thu – Kế Toán Trưởng.
6. Nội dung giải trình:

Căn cứ Báo cáo tài chính Quý 4/2019 của Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn, trong đó chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế lũy kế năm 2019 là **lãi** 11.590.041.374 đồng.

Căn cứ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn, trong đó chỉ tiêu Lợi nhuận sau thuế năm 2019 là **lỗ** 69.071.438.452 đồng.

Công ty xin giải trình nguyên nhân chủ yếu làm chỉ tiêu **lợi nhuận sau thuế** từ **lãi** chuyển sang **lỗ** như sau:

Theo Báo cáo tài chính Quý 4/2019 phát hành ngày 20/01/2020, Công ty xác định khoản doanh thu trợ giá cho xe buýt được nhận là 242.890.702.906 đồng dựa trên đơn giá được ban hành theo Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30/08/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố HCM về ban hành Bộ đơn giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn TP.HCM.

Theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty cổ phần Xe Khách Sài Gòn phát hành ngày 30/03/2020, Công ty xác định khoản doanh thu trợ giá cho xe buýt được nhận là 199.415.999.587 đồng theo công văn số 1250/SGTVT-VTĐB ngày 17/02/2020 của Sở Giao Thông Vận Tải.

Theo đó, phần chi phí chênh lệch giữa hai bộ đơn giá Công ty tạm thời chưa được ghi nhận doanh thu, chờ Sở Tài Chính thẩm định làm cơ sở tiếp tục cấp bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 lĩnh vực trợ giá xe buýt.

Rất mong nhận được sự xem xét, chấp thuận từ quý cơ quan.

Trân trọng./.

Người được ủy quyền CBTT



Phạm Thị Lệ Thu

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS;
- Đăng tải website;
- Lưu VT, Ban CBTT.

Đính kèm:

1. Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30/08/2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố HCM về ban hành Bộ đơn giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn TP.HCM.
2. Công văn số 1250/SGTVT-VTĐB ngày 17/02/2020 của Sở Giao Thông Vận Tải về việc giải quyết kiến nghị của Hiệp hội xe buýt tại TP.HCM liên quan đến mức trợ giá xe buýt năm 2019.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~9677~~/QĐ-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 8 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về ban hành Bộ đơn giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt
trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 72/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ về quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Thông tư số 36/2012/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội bổ sung danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

Căn cứ Thông tư số 65/2014/TT-BGTVT ngày 10 tháng 11 năm 2014 của Bộ Giao thông vận tải về ban hành định mức khung kinh tế - kỹ thuật áp dụng cho vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt;

Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BLĐTBXH ngày 14 tháng 7 năm 2015 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định chi phí tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích sử dụng vốn ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 06/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 14/2017/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Căn cứ Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về bãi bỏ một phần Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân thành phố về ban hành đơn giá vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt; xe đưa rước học sinh, sinh viên và công nhân trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 6151/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố; Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố về

việc sửa đổi, bổ sung Quyết định số 6151/QĐ-UBND ngày 24 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố về áp dụng hệ số điều chỉnh tăng thêm tiền lương trong giá sản phẩm, dịch vụ công ích trên địa bàn thành phố;

Căn cứ Quyết định số 6068/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về công bố Bộ định mức kinh tế kỹ thuật đối với hoạt động vận chuyển hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 2871/TTr-SGTVT ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Công văn số 6292/SGTVT-VTĐB ngày 19 tháng 8 năm 2019 về ban hành Bộ đơn giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; ý kiến của Sở Tư pháp tại Công văn số 1228/STP-KTrVB ngày 08 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bộ đơn giá vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, nêu trong các Phụ lục chi tiết đính kèm Quyết định này, bao gồm:

1. Phụ lục 1: Tổng hợp đơn giá chuẩn đối với các nhóm xe buýt cho 1km vận doanh - vùng I;

2. Phụ lục 2: Tổng hợp đơn giá chuẩn đối với các nhóm xe buýt cho 1km vận doanh - vùng II.

Điều 2. Giao Sở Giao thông vận tải:

1. Căn cứ Bộ đơn giá được ban hành tại Điều 1, Bộ định mức kinh tế kỹ thuật đã được Ủy ban nhân dân thành phố công bố tại Quyết định số 6068/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2018, mức lương cơ sở được Ủy ban nhân dân thành phố thống nhất áp dụng tại từng thời điểm và các quy định pháp luật có liên quan để lập và quản lý chi phí đối với hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phối hợp với Sở Tài chính xem xét, công bố điều chỉnh mức chênh lệch đơn giá (đồng/km) khi có sự thay đổi mức lương cơ sở, giá nhiên liệu hoặc điều chỉnh công thức tính giá bán nhiên liệu khí CNG.

3. Chủ trì xem xét và quyết định thanh toán theo thực tế, đúng quy định đối với phí sử dụng cầu, phà, đường bộ và chi phí phương tiện ra vào bến xe khách liên tỉnh nạp nhiên liệu khí CNG (áp dụng đối với tuyến xe buýt không có điểm đầu hoặc điểm cuối tuyến tại bến xe có trạm nạp khí CNG).

4. Phối hợp với Sở Tư pháp rà soát các quy định pháp luật có liên quan trong lĩnh vực vận tải hành khách công cộng để tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế cho phù hợp, đảm bảo tính đồng bộ và tạo động lực phát triển giao thông công cộng thành phố.

5. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc vượt thẩm quyền thì Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo và đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố giải quyết theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2019.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Giao thông vận tải, Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐNDTP;
- TTUB; CT, các PCT;
- Sở Giao thông vận tải (4b);
- Các Sở: TP; XD; LĐ, TB&XH;
- Trung tâm Quản lý GTCC (4b);
- VPUB: các PVP;
- Phòng KT, ĐT;
- Lưu: VT, (ĐT-HS) T.30.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Văn Hoan



PHỤ LỤC 1

Tổng hợp đơn giá chuẩn đối với các nhóm xe buýt cho 1km vận doanh - vùng I
 thành kèm theo Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30 tháng 1 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố

STT	HẠNG MỤC	NHÓM 1		NHÓM 2 - XI BUÝT NHỎ				NHÓM 3 - XI BUÝT TRUNG BÌNH				NHÓM 4 - XI BUÝT LỚN				Đông Đô	
		2A_ML 17-081K Máy bơm	2A_KML 17-081K Khống ML	2B1_ML 17-081K Máy bơm	2B1_KML 17-081K Khống ML	2_CNG 17-081K Máy bơm	3A_ML 41-081K Máy bơm	3A_KML 41-081K Khống ML	3B2_ML 31-081K Máy bơm	3B2_KML 31-081K Khống ML	3_CNG 41-081K Máy bơm	4A_ML 31-081K Máy bơm	4A_KML 31-081K Khống ML	4_CNG1 31-081K Máy bơm	4_CNG2 31-081K Máy bơm		Đông Đô
	Tiền lương cơ sở (1)	1.390.000															
	Đơn phí nhân lực (2)	Xăng E5 - 16.278															
1	Chi phí trực tiếp (CPTT) (không gồm các khoản Bảo hiểm)	6.405	12.896	11.695	13.429	13.362	13.964	16.377	13.908	16.347	17.566	17.419	19.491	20.744	21.019	21.293	25.169
1.1	Chi phí nhân lực	168	889	574	1.222	1.661	2.059	994	749	1.894	2.183	2.917	1.230	2.883	3.501	3.775	2.334
1.2	Chi phí nhiên liệu	1.556	3.464	2.602	3.464	3.464	3.162	4.985	3.024	4.055	4.985	4.106	5.694	5.694	5.351	5.351	8.736
1.3	Chi phí vật tư sửa chữa	331	1.439	1.236	1.439	1.439	1.439	1.905	1.671	1.905	1.905	1.905	2.522	2.522	2.522	2.522	2.993
1.4	Chi phí nhân công	4.103	6.720	6.699	6.720	6.720	6.720	7.784	7.755	7.784	7.784	7.784	8.683	8.683	8.683	8.683	9.885
a	Lãi xe (3)	3.986	3.823	3.823	3.823	3.823	3.823	4.281	4.281	4.281	4.281	4.281	4.516	4.516	4.516	4.516	5.069
b	Nhiệm vụ bán vé (4)		2.540	2.540	2.540	2.540	2.540	2.999	2.999	2.999	2.999	2.999	3.540	3.540	3.540	3.540	4.187
c	Nhiệm vụ công BDS	117	357	336	357	357	357	504	473	504	504	504	627	627	627	627	670
1.5	Chi phí khác	247	584	584	584	584	584	709	709	709	709	709	868	868	868	868	988
2	Các khoản bảo hiểm (5)	426	679	679	679	679	679	777	777	777	777	777	868	868	868	868	988
3	Chi phí quản lý chung (5%*(CPTT) Lợi nhuận định mức	320	645	585	671	693	698	819	695	817	878	871	955	1.037	1.051	1.065	1.255
4	(4,5%*(CPTT+CPQLC))	303	609	553	635	655	660	774	657	772	830	823	902	900	993	1.006	1.186
	GIÁ THÀNH 1 KM (1+2+3+4) (đồng/km)	7.454	14.829	13.512	15.414	15.995	16.001	18.747	16.037	18.713	20.051	19.890	21.808	21.621	23.929	24.224	28.538

Ghi chú:

- (1) Tiền lương cơ sở theo Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố; Số Giao thông vận tải cấp nhất mức chênh lệch theo quy định.
- (2) Giá nhiên liệu Xăng E5 và Dầu DO 0,055 được xác định tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2019 và giá nhiên liệu khí CNG được quy đổi theo công thức 66% x 1,23 x giá dầu DO.
- (3) Chi phí nhân công lái xe đồng nhân công lái xe * (Hệ số lương lái xe + Hệ số phụ cấp nâng nhọc) * Mức lương cơ sở * (1 + Hệ số điều chỉnh tăng thêm).
- (4) Chi phí nhân công nhân viên bán vé đồng nhân công bán vé * Hệ số lương nhân viên bán vé * Mức lương cơ sở * (1 + Hệ số điều chỉnh tăng thêm).
- (5) Các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ Doanh nghiệp đóng cho Lái xe/Nhiệm vụ bán vé.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ



PHỤ LỤC 2

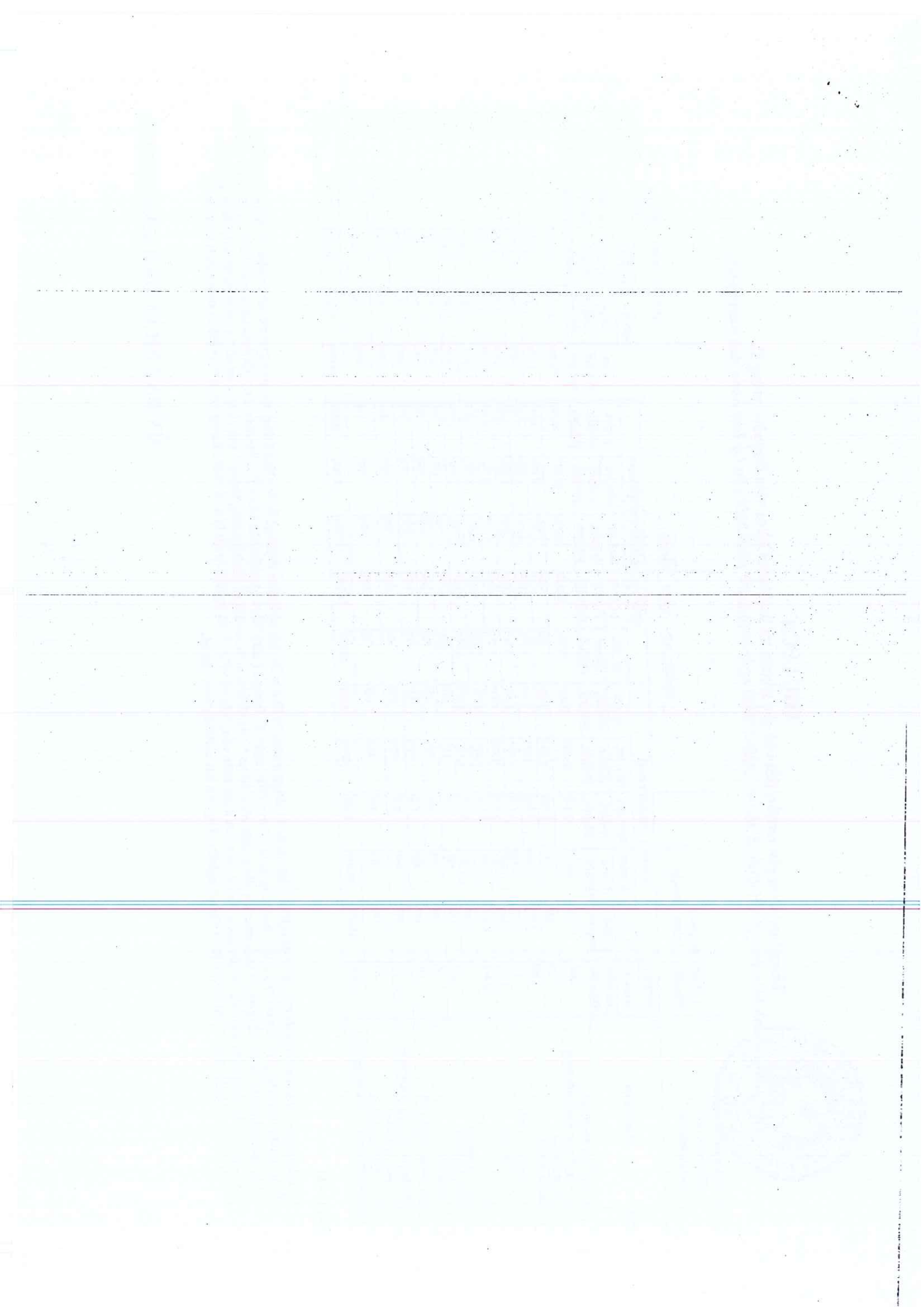
Tổng hợp đơn giá chuẩn đối với các nhóm xe buýt cho Ikm vận doanh - vùng II kèm theo Quyết định số 4477 /QĐ-UBND ngày 30 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố

STT	HẠNG MỤC	NHÓM 1		NHÓM 2 - XE BUÝT NHỎ		NHÓM 3 - XE BUÝT TRUNG BÌNH		NHÓM 4 - XE BUÝT LỚN		Đơn vị	Đang/ha						
		2A_ML	17-08EK	2A_KM/L	17-08EK	SA_ML	SA_KM/L	SA1_ML	SA1_KM/L			4A_ML	4B_ML	4_CNG.1	4_CNG.2		
1	Chi phí trực tiếp (CPTT) (không gồm các khoản bồi hoàn)	5.861	12.028	10.827	12.561	13.000	13.096	15.284	12.915	15.284	16.573	16.426	17.993	19.646	19.921	20.195	23.847
1.1	Chi phí nhân công	168	689	574	1.222	1.661	2.059	994	749	1.894	2.183	2.917	1.250	2.883	3.501	3.775	2.334
1.2	Chi phí nhiên liệu	1.556	3.464	2.602	3.464	3.464	3.162	4.985	3.024	4.055	4.985	4.104	5.694	5.694	5.351	5.351	8.736
1.3	Chi phí vật tư sửa chữa	331	1.439	1.236	1.439	1.439	1.439	1.905	1.671	1.905	1.905	1.905	2.522	2.522	2.522	2.522	2.993
1.4	Chi phí nhân công	3.559	5.852	5.831	5.852	5.852	5.852	6.791	6.762	6.791	6.791	6.791	7.585	7.585	7.585	7.585	8.623
a	Lãi xx (%)	3.442	3.301	3.301	3.301	3.301	3.301	3.697	3.697	3.697	3.697	3.697	3.901	3.901	3.901	3.901	4.378
b	Nhận viện bán vé (%)	2.194	2.194	2.194	2.194	2.194	2.194	2.390	2.390	2.390	2.390	2.390	2.590	2.590	2.590	2.590	3.616
c	Nhận công BDS	357	357	357	357	357	357	504	475	504	504	504	627	627	627	627	627
1.5	Chi phí khác	247	584	584	584	584	584	709	709	709	709	709	709	709	709	709	709
2	Các khoản bồi hoàn (H)	426	679	679	679	679	679	777	777	777	777	777	777	777	777	777	777
3	Chi phí quản lý chung (5% * CPTT)	293	601	541	628	650	655	769	644	763	829	821	900	982	996	1.010	988
4	Lợi nhuận định mức (4,5% * (CPTT+CPQLC))	277	568	512	594	614	619	727	610	725	783	776	859	928	941	954	1.127
GIÁ THÀNH 1 KM (1+2+3+4) (đồng/ha)		6.857	13.876	12.559	14.462	14.943	15.849	17.657	14.943	17.624	18.962	18.960	20.603	22.416	22.718	23.019	27.154

Ghi chú:

- (1) Tiền lương cơ sở theo Quyết định số 2490/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố; Sở Giao thông vận tải cấp nhất mức chênh lệch theo quy định.
- (2) Giá nhiên liệu Xăng E5 và Dầu DO 0,05S được xác định tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2019 và giá nhiên liệu khí CNG được quy định theo công thức 66% x 1,23 x giá đầu DO.
- (3) Chi phí nhân công lái xe đồng/km = định mức lao động nhân công lái xe * (Hệ số lương lái xe + Hệ số phụ cấp năng suất) * Mức lương cơ sở * (1 + Hệ số điều chỉnh tăng thêm).
- (4) Chi phí nhân công nhân viên bán vé đồng/km = định mức lao động nhân viên bán vé * Hệ số lương nhân viên bán vé * Mức lương cơ sở * (1 + Hệ số điều chỉnh tăng thêm).
- (5) Các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ Doanh nghiệp đóng cho Lái xe/Nhân viên bán vé.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

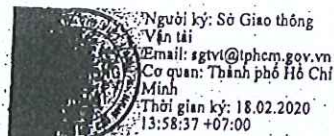


ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: ~~1250~~ /SGTVT-VTĐB
V/v giải quyết kiến nghị của
Hiệp hội xe buýt tại Thành phố
Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 02 năm 2020



Kính gửi: Hiệp hội xe buýt tại Thành phố Hồ Chí Minh

Sở Giao thông vận tải nhận được văn bản số 01/HHVT-BUS ngày 10 tháng 02 năm 2020 của Hiệp hội xe buýt tại Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết kiến nghị liên quan đến mức trợ giá xe buýt năm 2019 và ký hợp đồng đặt hàng năm 2020; Vấn đề này, Sở Giao thông vận tải có ý kiến như sau:

1. Trên cơ sở ý kiến của Sở Tài chính tại Công văn số 7833/STC-ĐT ngày 19 tháng 12 năm 2019 báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố về việc bổ sung dự toán chi trợ giá xe buýt năm 2019 cho Sở Giao thông vận tải. Qua đó, Sở Tài chính thống nhất đề xuất bổ sung dự toán chi ngân sách trợ giá xe buýt năm 2019 như sau:

"- *Bổ sung kinh phí trợ giá xe buýt do điều chỉnh ca máy đối với các phương tiện đầu tư mới (từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/8/2019): 68.212.824.810 đồng;*

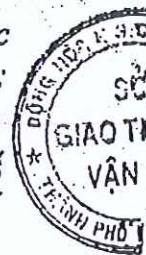
- *Bổ sung phần chi phí chênh lệch giữa đơn giá ban hành tại Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 và đơn giá ban hành tại Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 09/6/2012: 38.166.503.350 đồng.*

Như vậy, căn cứ các nội dung nhận xét nêu trên của Sở Tài chính, tổng chi phí phát sinh tăng công tác trợ giá xe buýt năm 2019 là 106.379.328.160 đồng (=68.212.824.810 đồng + 38.166.503.350 đồng)."

2. Sở Giao thông vận tải đã có Công văn số 9702/SGTVT-VTĐB ngày 20 tháng 12 năm 2019 báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về việc bổ sung dự toán chi ngân sách trợ giá xe buýt năm 2019, cụ thể:

"1. Để kịp tiến độ thực hiện thương thảo và ký phụ lục hợp đồng, thanh toán nhằm giải quyết phần nào khó khăn cho các doanh nghiệp vận tải, Sở Giao thông vận tải đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố trước mắt xem xét giao dự toán chi ngân sách nhà nước bổ sung năm 2019 lĩnh vực trợ giá xe buýt theo số liệu thẩm định của Sở Tài chính là 106.379.328.160 đồng (Công văn số 7833/STC-ĐT ngày 19 tháng 12 năm 2019).

2. Đồng thời, chủ trì xem xét cách tính toán chi phí chênh lệch giữa 02 bộ đơn giá được ban hành theo Quyết định số 3677/QĐ-UBND ngày 30/8/2019 và đơn giá ban hành theo Quyết định số 23/2012/QĐ-UBND ngày 09/6/2012 do Sở Giao thông vận tải xác định là 158.509.255.410 đồng (Công văn số



8332/SGTVT-TC ngày 31 tháng 10 năm 2019) và thẩm định của Sở Tài chính 38.166.503.350 đồng (Công văn số 7833/STC-ĐT ngày 19 tháng 12 năm 2019), để làm cơ sở tiếp tục cấp bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 lĩnh vực trợ giá xe buýt là 120.342.752.060 đồng.”

3. Ngày 28 tháng 12 năm 2019, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 5458/QĐ-UBND về việc bổ sung dự toán chi thường xuyên năm 2019 cho Sở Giao thông vận tải. Qua đó, chấp thuận bổ sung dự toán chi trợ giá xe buýt năm 2019 với số tiền là 106.379.328.160 đồng. Ngoài ra, Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố tại Công văn số 254/VP-ĐT ngày 10 tháng 01 năm 2020 về tính toán cấp bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 lĩnh vực trợ giá cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thành phố. Trong đó, “Giao Sở Giao thông vận tải chủ động phối hợp với Sở Tài chính căn cứ tình hình hoạt động thực tế và các quy định pháp luật có liên quan, xem xét, thống nhất phương pháp tính toán chi phí cho hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt thành phố, đảm bảo nguyên tắc tính đúng, tính đủ, ổn định đời sống người lao động và tạo động lực phát triển giao thông công cộng thành phố; báo cáo, đề xuất trình Ủy ban nhân dân thành phố”.

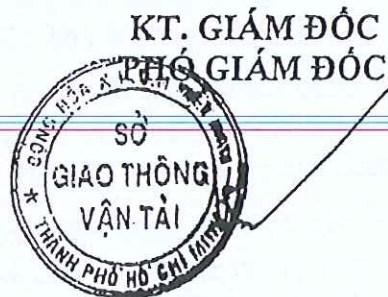
4. Hiện nay, Sở Giao thông vận tải đã chỉ đạo Trung tâm Quản lý Giao thông công cộng sớm trình điều chỉnh dự toán kinh phí đặt hàng cung ứng dịch vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt có trợ giá vận chuyên học sinh, sinh viên trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh năm 2019 (phần kinh phí được duyệt bổ sung 106.379.328.160 đồng) để Sở Giao thông vận tải phê duyệt theo đúng quy định.

Ngoài ra, Sở Giao thông vận tải đang hoàn thiện nội dung để làm việc với Sở Tài chính về đề xuất bổ sung kinh phí trợ giá xe buýt năm 2019 và năm 2020, dự kiến trong tháng 02 năm 2020 báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Sở Giao thông vận tải thông tin đến Hiệp hội xe buýt tại Thành phố Hồ Chí Minh được rõ./.

Nơi nhận: (17)

- Như trên;
- UBND Tp “để báo cáo”;
- Sở GTVT (GD, PGD Hưng);
- TTQLGTCC;
- Các đơn vị xe buýt;
- Lưu:VT,VTĐB.Tg.



Võ Khánh Hưng